

# **Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

**MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	2
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	3 - 11
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	12
Báo cáo kiểm toán độc lập	13 - 14
Báo cáo thu nhập	15 - 16
Báo cáo tình hình tài chính	17 - 18
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ	19
Báo cáo danh mục đầu tư	20 - 21
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	22 - 23
Thuyết minh báo cáo tài chính	24 - 56

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

## THÔNG TIN CHUNG

### QUỸ

Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 44/GCN-UBCK ngày 16 tháng 9 năm 2013 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 07/GCN-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 6.042.661,45 chứng chỉ với tổng giá trị là 60.426.614.500 đồng, chiếm 120,85% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND/chứng chỉ quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 101.814.389.100 đồng tương đương với 10.181.438,91 đơn vị quỹ.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định có xếp hạng tín dụng tốt.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ").

### NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam). Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

### CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 06/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005, và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

### BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</i>
Ông Mạc Quang Huy	Chủ tịch, thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2019
Ông Nguyễn Trung Kiên	Chủ tịch, thành viên độc lập	Miễn nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2017
Ông Phạm Ngọc Ninh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2016

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Vũ Quang Đông - Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank - Công ty Quản lý Quỹ.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quỹ.



# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF ("Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ"), với tư cách là công ty quản lý quỹ của Quỹ, chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

### PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Đại diện Quỹ phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo, trên cơ sở cam kết của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ:



Ông Mạc Quang Huy  
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2019



# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

### I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

#### 1. Mục tiêu của Quỹ

Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 44/GCN-UBCK ngày 16 tháng 9 năm 2013 và Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 07/GCN-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt.

#### 2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo Báo cáo tài chính của Quỹ đã được kiểm toán, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)/1 đơn vị quỹ của Quỹ và thay đổi của chỉ số tham chiếu lần lượt là 4,02% và 6,37% so với ngày 31 tháng 12 năm 2018.

#### 3. Chiến lược đầu tư

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư phòng thủ hoặc tăng trưởng tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có tại các thời điểm khác nhau. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Nhà đầu tư.

Tỷ trọng phân bổ tài sản của Quỹ như sau:

Loại hình đầu tư	Mức độ rủi ro	Tỷ trọng trong giá trị tài sản ròng (NAV)
Cổ phiếu	Trung bình đến cao	50,00%
Tài sản có thu nhập cố định	Thấp đến trung bình	50,00%

Việc phân bổ tài sản có thể tăng/giảm 25,00% so với tỷ trọng trên tùy thuộc vào các cơ hội đầu tư sẵn có và đánh giá của đội ngũ đầu tư về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này đối với các loại tài sản. Thông thường tỷ lệ phân bổ vào tài sản có thu nhập cố định sẽ cao hơn khi các điều kiện kinh tế vĩ mô thích hợp với chiến lược đầu tư thận trọng. Tỷ lệ phân bổ vào cổ phiếu sẽ cao hơn nếu điều kiện kinh tế thuận lợi cho chiến lược đầu tư nhắm vào tăng trưởng vốn.

Quỹ sẽ đầu tư chủ yếu vào một danh mục đầu tư đa dạng các cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với vốn hóa thị trường lớn và thanh khoản tốt. Cổ phiếu được xem là có vốn hóa thị trường lớn là những cổ phiếu có vốn hóa thị trường lớn hơn cổ phiếu có vốn hóa thị trường lớn thứ 100 được niêm yết trên HSX.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

### 4. *Phân loại Quỹ*

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở theo quy định của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ("Thông tư 183") ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183 do Bộ Tài chính ban hành.

### 5. *Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ: Trung đến dài hạn*

### 6. *Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao): Trung bình đến cao*

### 7. *Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ*

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 07/GCN-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

### 8. *Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo*

Tổng giá trị tài sản ròng: 200.755.055.682 Việt Nam đồng.

Số lượng đơn vị quỹ: 10.181.438,91 đơn vị quỹ.

### 9. *Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ*

Lợi nhuận tham chiếu là tỷ suất lợi nhuận được xác định bằng trung bình giản đơn của tỷ suất sinh lợi của chỉ số VNIndex và lợi suất của trái phiếu kỳ hạn 10 (mười) năm của Chính phủ Việt Nam, tức bằng 50% (năm mươi phần trăm) nhân với tỷ suất sinh lợi của chỉ số VNIndex cộng với 50% (năm mươi phần trăm) nhân với lợi suất của trái phiếu kỳ hạn 10 (mười) năm của Chính phủ Việt Nam. Dữ liệu về lợi suất của trái phiếu kỳ hạn 10 (mười) năm của Chính phủ Việt Nam được lấy từ Reuters hoặc Bloomberg tại ngày đầu tiên của mỗi năm.

### 10. *Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ*

Việc phân phối lợi nhuận của Quỹ cho Nhà đầu tư sẽ do Ban Đại Diện Quỹ quyết định phù hợp với các quy định tại Điều lệ Quỹ theo đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ trên cơ sở các báo cáo tài chính đã kiểm toán xác nhận khả năng có thể phân phối lợi nhuận.

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

Lợi nhuận của Quỹ sẽ không được phân phối nếu sau khi phân phối:

- Quỹ không đủ khả năng tài chính để hoàn thành các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ tài sản, các khoản nợ đến hạn theo quy định của pháp luật; hoặc
- Giá trị tài sản ròng của Quỹ dưới mức tối thiểu theo quy định của pháp luật.

### 11. *Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị quỹ*

Trong năm, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tài sản quỹ

Cơ cấu tài sản quỹ	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 (%)	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 (%)	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 (%)
Danh mục chứng khoán	82,01	79,26	74,46
Tài sản khác	17,99	20,74	25,54
<b>Tổng cộng</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

STT	Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
1	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	200.755.055.682	282.504.033.202	251.751.917.501
2	Tổng số đơn vị quỹ ("CCQ") đang lưu hành	10.181.438,91	14.902.732,92	12.713.916,54
3	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ	19.717,74	18.956,52	19.801,28
4	Giá trị tài sản ròng cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	20.441,92	21.133,94	19.801,28
5	Giá trị tài sản ròng thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	18.754,23	18.164,55	15.138,95
6	Giá cuối ngày trên 1 đơn vị quỹ tại ngày báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
7	Giá cuối ngày cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
8	Giá cuối ngày thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
9	Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị quỹ (b)	4,02%	(4,27%)	31,32%
9.1	Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị quỹ (Thay đổi do biến động giá) (b)	1,27%	(7,86%)	27,40%
9.2	Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị quỹ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) (b)	2,75%	3,59%	3,92%
10	Phân phối gộp trên 1 đơn vị quỹ (c)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
11	Phân phối ròng trên 1 đơn vị quỹ (c)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
12	Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) (c)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
13	Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	2,03%	2,03%	2,14%
14	Tốc độ vòng quay danh mục (%)	27,79%	28,68%	22,64%



# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

### 2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động (tiếp theo)

- (a) Đơn vị quỹ của Quý không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.
- (b) Phần phân tách tăng trưởng/1 đơn vị quỹ thành tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ và tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ chỉ mang tính tương đối do theo quy định hạch toán hiện tại, toàn bộ giá trị đơn vị quỹ mua lại được hạch toán giảm vốn mà không phân tách chi tiết thành hai phần, vốn và lợi nhuận chưa phân phối.
- (c) Quý chưa áp dụng chính sách phân phối lợi nhuận.

### 3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tăng trưởng của giá trị tài sản ròng của Quý trên một đơn vị quỹ (%)	Lợi nhuận tham chiếu của Quý (%)
1 năm (từ 1/1/2019 đến 31/12/2019)	4,02	6,37
3 năm (từ 1/1/2017 đến 31/12/2019)	30,77	32,39
3 năm (bình quân năm)	9,35	9,80
Từ khi thành lập	97,18	70,04
Từ khi thành lập (bình quân năm)	11,93	9,22

### 4. Tăng trưởng hàng năm:

Thời kỳ	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 (%)	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 (%)	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 (%)
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị quỹ	4,02	(4,27)	31,32

## III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM

### 1. Kinh tế vĩ mô

Trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều bất ổn, tăng trưởng và thương mại toàn cầu giảm tốc do chiến tranh thương mại Mỹ-Trung, kinh tế Việt Nam vẫn kết thúc năm 2019 khả quan với tất cả các chỉ tiêu đều vượt mục tiêu được Quốc hội phê duyệt. Một số điểm đáng chú ý như sau:

- Tăng trưởng GDP đạt 7,02% (mục tiêu: 6,20% - 6,80%, 2018: 7,08%). Mặc dù khối ngành nông, lâm, ngư nghiệp tăng trưởng chậm lại (chỉ tăng 2,01%), tăng trưởng được hỗ trợ bởi khối ngành Công nghiệp và Xây dựng (+8,90%) và khối ngành Dịch vụ (+7,30%).
- Vốn FDI giải ngân tiếp tục tăng trưởng, đạt 20,4 tỷ USD. Vốn FDI cấp phép mới và đăng ký bổ sung giảm 11,8% so với 2018, đạt 22,5 tỷ USD, chủ yếu do vốn FDI đăng ký trong lĩnh vực bất động sản giảm. FDI trong lĩnh vực chế biến, chế tạo chiếm tới 77,50% giá trị tổng FDI đăng ký và vẫn tăng 23,50% so với 2018.
- Thặng dư thương mại lập kỷ lục mới với 11,1 tỷ USD. Xuất khẩu tăng trưởng khá so với 2018, đạt 8,4% với 264,2 tỷ USD nhờ xuất khẩu sang Mỹ tăng mạnh (+29,1%, tương đương 61,3 tỷ USD). Nhập khẩu tăng trưởng 6,8%, đạt 253,1 tỷ USD.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM (tiếp theo)

### 1. Kinh tế vĩ mô (tiếp theo)

- Lạm phát tiếp tục được kiểm soát (trung bình cả năm 2019 tăng 2,7%). Ngân hàng nhà nước cắt giảm 25 điểm phần trăm lãi suất điều hành vào tháng 9/2019 theo xu hướng nới lỏng tiền tệ ở nhiều nước trên thế giới.
- Tỷ giá ổn định với giá trị VNĐ gần như không đổi so với đầu năm 2019, dự trữ ngoại hối tăng cao, đạt khoảng 79 tỷ USD vào cuối năm 2019.
- Thâm hụt ngân sách được kiểm soát ở mức 3,40% GDP so với kế hoạch 3,60%.

### 2. Thị trường trái phiếu

Trong năm 2019, Kho bạc Nhà nước đã phát hành 197,8 nghìn tỷ đồng, cao hơn 19,30%, khối lượng phát hành năm 2018 và hoàn thành 71% kế hoạch phát hành cả năm 2019. Trái phiếu Chính phủ 10 năm và 15 năm tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn trong cả khối lượng dự thầu (75%) và khối lượng phát hành (80%).

Lợi suất Trái phiếu Chính phủ giảm mạnh ở mọi kỳ hạn, mạnh nhất ở kỳ hạn 5 năm với 250 điểm. Giải ngân đầu tư công chậm, Ngân hàng nhà nước mua vào một lượng lớn USD (~20 tỷ USD) được cho là các nguyên nhân chính dẫn đến lợi suất Trái phiếu chính phủ giảm mạnh, bên cạnh yếu tố lạm phát được kiểm soát và Ngân hàng nhà nước giảm lãi suất điều hành.

Trong năm 2019, giá trị Trái phiếu Doanh nghiệp phát hành đạt 296,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 67,40% khối lượng đăng ký. Ngân hàng và các công ty bất động sản chiếm tương ứng 35,80% và 28,70% tổng khối lượng phát hành. Trái phiếu Ngân hàng chủ yếu với kỳ hạn 2 đến 3 năm có lãi suất duy trì trong khoảng 6,70% đến 6,90%/năm tùy thuộc quy mô và định mức tín nhiệm của ngân hàng. Trái phiếu các công ty bất động sản có mức lãi suất trên dưới 11% trong khi các tổ chức phát hành khác có mức lãi suất dao động trong khoảng 10% đến 11%/năm.

### 3. Thị trường cổ phiếu

VN Index (VNI) tăng 7,7% trong năm 2019, so với mức giảm 9,3% của năm 2018. Thị trường năm 2019 có mức biến động thấp hơn so với năm trước và chỉ số hầu như đi ngang trong phạm vi từ 950 đến 1.000 điểm. Mức tăng 7,7% không phản ánh đầy đủ tình hình chung của toàn thị trường do mức tăng này chủ yếu được đóng góp bởi một số ít cổ phiếu vốn hóa lớn, như Vietcombank (VCB), Vingroup (VIC), BIDV (BID) và Vinhomes (VHM). Chỉ số VN30, vốn ít bị ảnh hưởng bởi các cổ phiếu vốn hóa lớn hơn VNI, chỉ tăng 2,8% trong khi chỉ số VN70 và VNSML, tương ứng phản ánh biến động giá của các cổ phiếu vốn hóa vừa và cổ phiếu vốn hóa nhỏ, gần như không thay đổi. Hơn nữa, chỉ 1/3 trong số hơn 1.600 công ty niêm yết và đăng ký giao dịch trên sàn có mức tăng trưởng dương trong năm.

Tính trung bình cả năm 2019, giá trị giao dịch đạt 200,8 triệu USD/phiên, giảm khoảng 25,9% so với năm 2018. Thanh khoản thị trường năm 2019 nhìn chung kém khởi sắc do (1) tiến trình cổ phần hóa và thoái vốn doanh nghiệp nhà nước diễn ra chậm và (2) dòng tiền bị thu hút bởi các kênh đầu tư khác (tiền gửi ngân hàng, trái phiếu doanh nghiệp, vàng và bất động sản).

Nhà đầu tư nước ngoài duy trì trạng thái mua ròng 205,8 triệu USD trong năm 2019. Con số này thấp hơn đáng kể mức mua ròng 1,8 tỷ USD của năm 2018. Nếu loại bỏ một số thương vụ giao dịch thỏa thuận lớn, trên thực tế khối ngoại đã bán ròng trên sàn giao dịch liên tiếp trong 2 năm 2018 - 2019.



# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM (tiếp theo)

### 3. Thị trường cổ phiếu (tiếp theo)

Trong năm 2019, có 7 trong số 12 nhóm ngành trong VNI có mức tăng trưởng dương. Ngành công nghệ thông tin có mức tăng trưởng cao nhất (+55,3%) nhờ Công ty cổ phần FPT (FPT) vẫn tiếp tục duy trì đà tăng trưởng lợi nhuận cao. Trong khi đó ngành Dịch vụ truyền thông tiếp tục giảm nhiều nhất (-14,6%), chủ yếu do sự sụt giảm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 (YEG). Nhóm ngành Tài chính (+22,6%) và Bất động sản (+16,0%) đóng vai trò dẫn dắt thị trường trong năm. Trong khi đó, cổ phiếu ngành hàng tiêu dùng thiết yếu (-8,8%) kéo giảm đà tăng của chỉ số chung, chủ yếu do sự sụt giảm của Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn (SAB) và Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (MSN).

Xét về đóng góp của từng cổ phiếu, cổ phiếu VCB tăng 70,1% trong năm 2019, đóng góp 41,5 điểm tăng vào chỉ số VNI, giúp chỉ số này tăng 3,4% nhờ tăng trưởng lợi nhuận cao trong năm 2019 và hoàn thành thương vụ 400 triệu USD với FWD trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ. BID cũng đóng góp 14,3 điểm tăng cho chỉ số VNI, nhờ vào thông tin tích cực từ việc hoàn thành việc phát hành riêng lẻ cho đối tác chiến lược là KEB Hana Bank. Ngoài ra, VIC và VHM đóng góp thêm 31,8 điểm tăng cho chỉ số. Ở phía ngược lại, SAB khiến chỉ số giảm 7,3 điểm do giá cổ phiếu đã điều chỉnh từ mức định giá tương đối cao và triển vọng tiêu cực của nhu cầu tiêu thụ bia nội địa sau khi Luật phòng chống tác hại của rượu bia và Nghị định 100 có hiệu lực. MSN cũng khiến chỉ số giảm 7,1 điểm, do thị trường lo ngại việc đầu tư VinCommerce và VinEco sẽ khiến kết quả kinh doanh của MSN bị ảnh hưởng mạnh trong những năm đầu sau sáp nhập.

## IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

### 1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ (*)	2,75	Không áp dụng
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ (*)	1,27	Không áp dụng
Tăng trưởng hàng năm/1 đơn vị quỹ	4,02	11,93
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	Không áp dụng	Không áp dụng
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị quỹ	Không áp dụng	Không áp dụng

(\*) Phần phân tách tăng trưởng/1 đơn vị quỹ thành tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ và tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ chỉ mang tính tương đối do theo quy định hạch toán hiện tại, toàn bộ giá trị đơn vị quỹ mua lại được hạch toán giảm vốn mà không phân tách chi tiết thành hai phần, vốn và lợi nhuận chưa phân phối.

Thay đổi giá trị tài sản ròng:

Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 VND	Tỷ lệ thay đổi (%)
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	200.755.055.682	282.504.033.202	(28,94)
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị quỹ	19.717,74	18.956,52	4,02



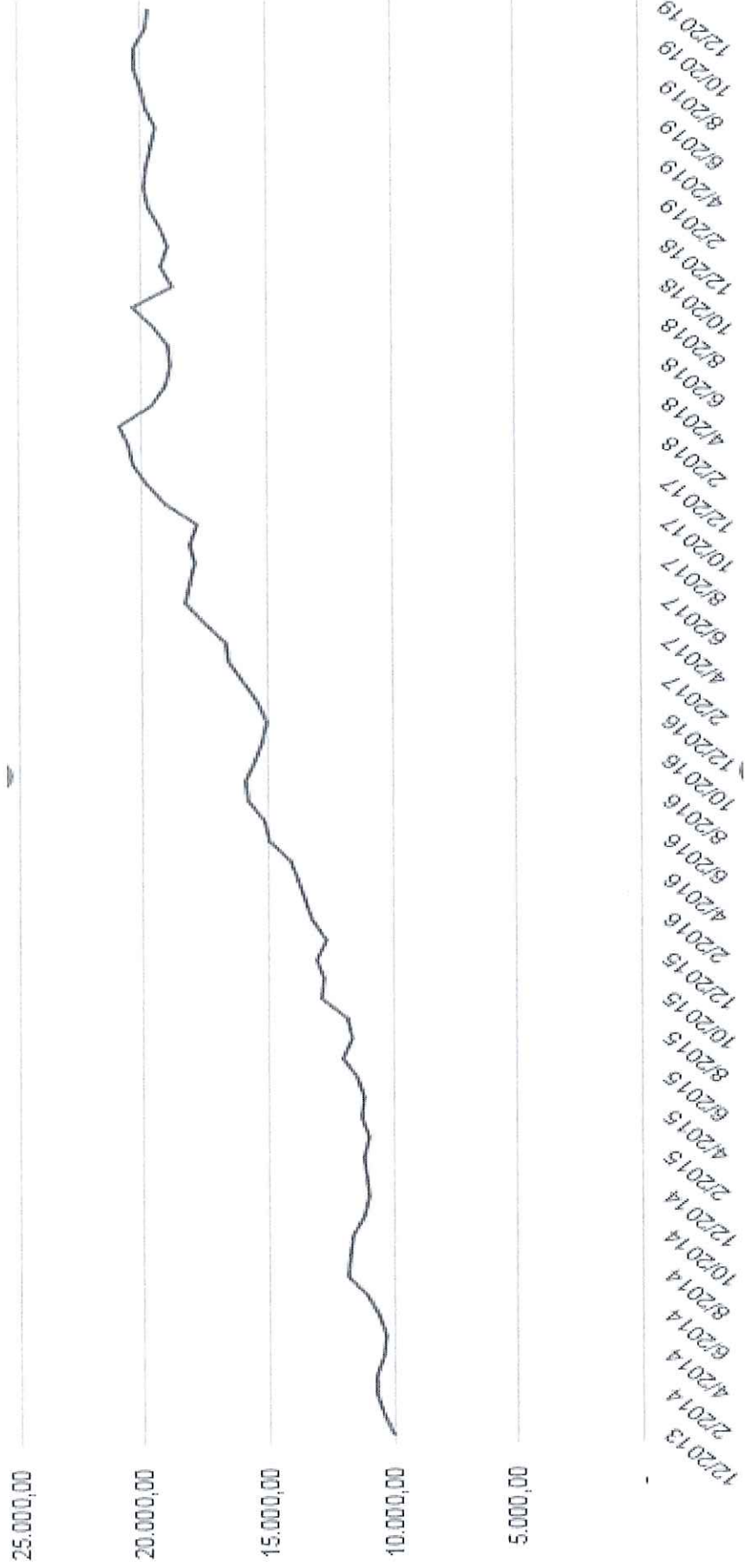
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

**IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)**

**1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ (tiếp theo)**

Biểu đồ thay đổi Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị quỹ hàng tháng của Quỹ:



# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

### 2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Quy mô nắm giữ (chứng chỉ quỹ)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Dưới 5.000	944	1.397.439,39	13,73
Từ 5.000 đến 10.000	141	960.502,03	9,43
Từ 10.000 đến 50.000	85	1.712.489,35	16,82
Từ 50.000 đến 500.000	14	1.341.049,79	13,17
Trên 500.000	3	4.769.958,35	46,85
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.187</b>	<b>10.181.438,91</b>	<b>100,00</b>

### 3. Chi phí ngậm và giảm giá: Không có

## V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Dịch viêm phổi cấp Covid-19 do SARS-CoV-2, sau khi khởi phát từ thành phố Vũ Hán, Trung Quốc tháng 12/2019, đến nay đã lan rộng ra 48 quốc gia và vùng lãnh thổ, với hơn 82.000 người nhiễm bệnh và hơn 2.700 tử vong<sup>1</sup> đã làm thay đổi toàn bộ nhận định của chúng tôi cũng như các chuyên gia phân tích khác đối với triển vọng kinh tế và thị trường năm 2020. Dịch bệnh đã ảnh hưởng nghiêm trọng tới khối ngành dịch vụ, mà đầu tiên là hàng không, du lịch do khách du lịch Trung Quốc và Hàn Quốc tương ứng chiếm tới 32,2% và 23,8% tổng lượng khách du lịch quốc tế đến Việt Nam năm 2019. Số lượng hành khách thông qua các cảng hàng không trong tháng 2 năm 2020 ước giảm 11,6%, trong đó khách quốc tế ước giảm 29,8% so với cùng kỳ<sup>2</sup>. Ngoài ra, Trung Quốc cũng chiếm tới 15,7% giá trị xuất khẩu và 29,8% giá trị nhập khẩu của Việt Nam năm 2019, sản xuất của Việt Nam sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng nếu dịch bệnh Covid-19 tiếp tục kéo dài. Theo thông tin từ Cục trưởng Cục Công nghiệp, các doanh nghiệp điện tử chỉ còn nguyên liệu sản xuất đến giữa hoặc cuối tháng 3, các doanh nghiệp dệt may, da giày cũng chỉ trữ nguyên liệu tới tháng 3 – tháng 4. Fitch Solutions đã hạ dự báo tăng trưởng của Việt Nam từ 6,8% xuống 6,3% trong năm 2020 vì sản xuất bị ảnh hưởng khi các chuỗi cung ứng bị gián đoạn do dịch bệnh Covid-19 cũng như tăng trưởng giảm sút của ngành dịch vụ trong nửa đầu năm 2020. Bộ kế hoạch đầu tư cũng đưa ra hai kịch bản tăng trưởng kinh tế, với kịch bản tốt là dịch được khống chế trong Quý 1/2020 thì tăng trưởng GDP 2020 dự kiến cũng chỉ đạt 6,25% so với kế hoạch ban đầu là 6,8%. Diễn biến này đã và đang ảnh hưởng mạnh tới thị trường chứng khoán.

Mặc dù đồng ý rằng có rủi ro khủng hoảng kinh tế toàn cầu nếu dịch tiếp tục kéo dài, chúng tôi tiếp tục lạc quan về triển vọng kinh tế của Việt Nam trong dài hạn. Nền kinh tế Việt Nam đã duy trì đà tăng trưởng nhanh hơn hầu hết các nước trong khu vực kể từ năm 2014, mặc dù mục tiêu ổn định vĩ mô, chứ không phải là tăng trưởng mới là ưu tiên hàng đầu của Chính phủ. Tăng trưởng GDP hằng năm đã liên tục duy trì ở mức 6.0% - 7.0%, trong khi lạm phát bình quân được kiểm soát chặt chẽ ở mức dưới 4%. Trong cùng thời kỳ, Đồng Việt Nam đã trở thành một trong những đồng tiền ổn định nhất trong khu vực và dự trữ ngoại hối quốc gia cũng đã tăng lên tới 79 tỷ USD, gấp đôi so với năm 2014. Tăng trưởng tín dụng đã giảm dần từ mức 20% trong giai đoạn 2011 - 2014 xuống 18% trong giai đoạn 2015 - 2016 và khoảng 14% trong giai đoạn 2017- 2019. Trong thập kỷ qua, sự phát triển của tầng lớp trung lưu đã khiến tiêu dùng cá nhân trở thành động lực tăng trưởng quan trọng nhất của nền kinh tế, với mức tăng trưởng danh nghĩa duy trì trên 10% trong những năm qua.

<sup>1</sup>Số liệu đến ngày 26 tháng 2 năm 2020

<sup>2</sup><https://vietstock.vn/2020/02/ba-kich-ban-cua-nganh-hang-khong-truoc-dich-covid-19-768-732960.htm>



# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

Khu vực kinh tế tư nhân, được hỗ trợ bởi các chính sách khuyến khích tăng trưởng của Chính phủ, cũng đã vượt khu vực nhà nước và FDI, đóng góp đến 46% tổng vốn đầu tư của toàn xã hội vào năm 2019, so với mức 34% của 10 năm trước. Xuất khẩu cũng tăng trưởng mạnh mẽ nhờ động lực từ khối các doanh nghiệp FDI, khi Việt Nam trở thành điểm đến hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài.

Đầu tư công dự kiến sẽ được đẩy mạnh sau một vài năm trì trệ, đặc biệt là với nhu cầu cấp thiết phải hỗ trợ tăng trưởng trong bối cảnh Chính phủ chưa điều chỉnh mục tiêu tăng trưởng cho năm 2020. Nghị quyết Chính phủ ban hành vào tháng 10 năm 2019 đã chỉ rõ việc giải ngân chậm các khoản đầu tư công chủ yếu là do sự yếu kém trong khâu lập kế hoạch đầu tư, phân bổ vốn, lựa chọn nhà thầu, bồi thường và giải phóng mặt bằng, v.v. Nghị quyết cũng đã đưa ra kế hoạch hành động cụ thể để giải quyết nút thắt cổ chai này, giúp giảm bớt lo ngại về việc đầu tư công tiếp tục trì trệ trước thềm cuộc bầu cử sắp tới. Với Luật Đầu tư công mới có hiệu lực từ đầu năm 2020, dự kiến việc giải ngân đầu tư công sẽ tăng tốc kể từ năm 2020 trở đi.

Với chính sách tiền tệ linh hoạt và kinh nghiệm điều hành của Ngân hàng nhà nước, lạm phát dự kiến sẽ được giữ ổn định trong các năm tới, giúp Việt Nam tránh được chu kỳ tăng trưởng nóng sau đó bị giảm mạnh ("boom and bust"). Đồng nội tệ sẽ tiếp tục được củng cố về mặt giá trị khi dòng vốn FDI tiếp tục tăng, không chỉ do chính sách China +1, nhu cầu đầu tư vào Việt Nam để hưởng lợi từ các hiệp định thương mại tự do, ảnh hưởng của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung mà còn do việc gián đoạn chuỗi cung ứng do dịch bệnh Covid-19 cũng sẽ thúc đẩy nhu cầu đa dạng hóa cơ sở sản xuất ngoài Trung Quốc; và xuất khẩu và du lịch sẽ tiếp tục tăng trưởng, sau khi dịch Covid-19 được kiểm soát.

Định giá của thị trường đang ở mức hấp dẫn, kể cả khi so với mức bình quân trong quá khứ hay so với mức định giá của các thị trường khác trong khu vực, đặc biệt sau đợt giảm mạnh trong tháng 2/2020, với mức giá/lợi nhuận, P/E của VNIndex là 13,7 lần, giá/giá trị sổ sách, P/B 2,0 lần và cổ tức/giá D/P là 2,8%<sup>3</sup>. Thêm vào đó, định giá bình quân toàn thị trường còn bị làm sai lệch bởi một vài cổ phiếu vốn hóa lớn, thanh khoản cao và còn room nước ngoài. Lực cầu từ ETFs và các nhà đầu tư nước ngoài đã đẩy định giá các cổ phiếu này lên mức cao hơn rất nhiều so với các công ty vốn hóa nhỏ hơn và không còn room nước ngoài. Chúng tôi cho rằng định giá thị trường hiện tại là rất hấp dẫn so với triển vọng tăng trưởng dài hạn của nền kinh tế Việt Nam

## VI. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban Đại diện quỹ, và Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đã được trình bày đầy đủ tại Bản cáo bạch của Quỹ.



Ông Vũ Quang Đông  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2020

<sup>3</sup> Nguồn: Bloomberg tại ngày 27 tháng 2 năm 2020





Số tham chiếu: 61141024/21213758

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF (“Quỹ”) được lập ngày 30 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 15 đến trang 56, bao gồm báo cáo tình hình tài chính, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ***

Ban Giám đốc của Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

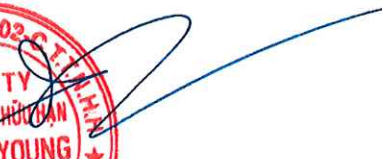
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quý vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



  
Nguyễn Thúy Dương  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0893-2018-004-1



Nguyễn Hà Lê  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3484-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2020



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO THU NHẬP  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

B01-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>01</b>	<b>I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		<b>16.383.746.921</b>	<b>(8.746.958.949)</b>
02	1.1 Cổ tức được chia	13	5.973.966.200	10.088.179.540
03	1.2 Tiền lãi được nhận	14	5.760.942.727	5.525.981.260
04	1.3 Lãi bán các khoản đầu tư	15	14.805.942.780	11.562.815.826
05	1.4 Chênh lệch giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	(10.157.104.786)	(35.923.935.575)
<b>10</b>	<b>II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ</b>		<b>153.302.044</b>	<b>203.636.118</b>
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	16	153.302.044	203.158.758
15	2.2 Chi phí đầu tư khác		-	477.360
<b>20</b>	<b>III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ</b>		<b>5.149.648.987</b>	<b>5.545.697.819</b>
20.1	3.1 Phí quản lý Quỹ mở	26.1	3.913.165.480	4.250.899.101
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	17	277.004.860	303.862.135
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát	26.2	237.600.000	237.600.000
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	26.2	237.600.000	237.600.000
20.5	3.5 Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng		132.000.000	132.000.000
20.7	3.6 Chi phí họp, Đại hội Quỹ mở		69.129.756	80.445.839
20.8	3.7 Chi phí kiểm toán		145.200.000	132.000.000
20.10	3.8 Chi phí hoạt động khác	18	137.948.891	171.290.744
<b>23</b>	<b>IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		<b>11.080.795.890</b>	<b>(14.496.292.886)</b>
<b>24</b>	<b>V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>		<b>446.918.317</b>	<b>415.512.624</b>
24.1	5.1 Thu nhập khác	20	446.918.317	415.512.624
<b>30</b>	<b>VI. TỔNG LỢI NHUẬN/(LỖ) KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>		<b>11.527.714.207</b>	<b>(14.080.780.262)</b>
31	6.1 Lợi nhuận đã thực hiện		21.684.818.993	21.843.155.313
32	6.2 Lỗ chưa thực hiện	5	(10.157.104.786)	(35.923.935.575)
<b>40</b>	<b>VII. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>41</b>	<b>VIII. LỢI NHUẬN/(LỖ) KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>		<b>11.527.714.207</b>	<b>(14.080.780.262)</b>


Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO THU NHẬP (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

B01-QM



Bà Trần Thị Hà Linh  
Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ



Ông Vũ Quang Đông  
Tổng Giám đốc



Bà Võ Thị Thùy Linh  
Người lập biểu



Bà Nguyễn Băng Tâm  
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2020



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

B02-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<b>100</b>	<b>I. TÀI SẢN</b>			
<b>110</b>	<b>1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>1.538.354.893</b>	<b>17.873.361.791</b>
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		1.538.354.893	4.355.327.638
112	1.2 Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng		-	13.518.034.153
<b>120</b>	<b>2. Các khoản đầu tư thuần</b>		<b>197.741.560.077</b>	<b>261.945.193.655</b>
121	2.1 Các khoản đầu tư	5	197.741.560.077	261.945.193.655
<b>130</b>	<b>3. Các khoản phải thu</b>		<b>2.902.803.418</b>	<b>4.419.753.533</b>
131	3.1 Phải thu về bán các khoản đầu tư		1.174.852.900	-
133	3.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	6	1.727.950.518	4.419.753.533
136	3.2a Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		1.727.950.518	4.419.753.533
<b>100</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>202.182.718.388</b>	<b>284.238.308.979</b>
<b>300</b>	<b>II. NỢ PHẢI TRẢ</b>			
313	1. Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	7	110.003.019	126.905.312
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		1.687.681	4.755.875
316	3. Chi phí phải trả	8	72.600.000	66.000.000
317	4. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	9	759.400.000	961.017.899
318	5. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ		124.494.491	124.494.491
319	6. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	10	359.477.515	451.102.200
<b>300</b>	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.427.662.706</b>	<b>1.734.275.777</b>
<b>400</b>	<b>III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẤM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ</b>		<b>200.755.055.682</b>	<b>282.504.033.202</b>
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		101.814.389.100	149.027.329.200
412	1.1 Vốn góp phát hành	11	249.207.476.300	224.217.995.400
413	1.2 Vốn góp mua lại	11	(147.393.087.200)	(75.190.666.200)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư	11	12.022.211.901	58.085.963.528
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	12	86.918.454.681	75.390.740.474
<b>430</b>	<b>IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN MỘT CHỨNG CHỈ QUỸ</b>	<b>11</b>	<b>19.717,74</b>	<b>18.956,52</b>

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

B03-QM

STT	CHỈ TIÊU	Năm nay VND	Năm trước VND
I	<b>Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (NAV) đầu năm</b>	<b>282.504.033.202</b>	<b>251.751.917.501</b>
II	<b>Thay đổi NAV so với năm trước</b>	<b>11.527.714.207</b>	<b>(14.080.780.262)</b>
	<i>II.1 Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong năm</i>	11.527.714.207	(14.080.780.262)
III	<b>Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ</b>	<b>(93.276.691.727)</b>	<b>44.832.895.963</b>
	<i>III.1 Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ quỹ</i>	49.284.090.988	102.949.472.528
	<i>III.2 Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ quỹ</i>	(142.560.782.715)	(58.116.576.565)
IV	<b>Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối năm</b>	<b>200.755.055.682</b>	<b>282.504.033.202</b>



Bà Trần Thị Hà Linh  
 Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ



Ông Vũ Quang Đông  
 Tổng Giám đốc



Bà Võ Thị Thùy Linh  
 Người lập biểu



Bà Nguyễn Băng Tâm  
 Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2020



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

B04-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (%)
<b>I</b>	<b>Cổ phiếu niêm yết</b>			<b>142.623.524.650</b>	<b>70,54</b>
1	ACB	191.964	22.800	4.376.779.200	2,16
2	BMP	79.280	45.200	3.583.456.000	1,77
3	BSR	155.800	8.200	1.277.560.000	0,63
4	BWE	135.720	23.000	3.121.560.000	1,54
5	CTG	146.000	20.900	3.051.400.000	1,51
6	DGC	117.071	24.400	2.856.532.400	1,41
7	DHC	31.075	37.900	1.177.742.500	0,58
8	DRC	194.300	23.300	4.527.190.000	2,24
9	FOX	53.790	45.100	2.425.929.000	1,20
10	FPT	193.210	58.300	11.264.143.000	5,57
11	HCM	137.106	21.350	2.927.213.100	1,45
12	HDG	6	30.000	180.000	0,00
13	HPG	203.380	23.500	4.779.430.000	2,36
14	HT1	198.900	14.950	2.973.555.000	1,47
15	IMP	64.605	48.000	3.101.040.000	1,53
16	LPB	472.500	7.700	3.638.250.000	1,80
17	LTG	140.160	21.000	2.943.360.000	1,46
18	MBB	500.012	20.800	10.400.249.600	5,14
19	MWG	101.360	114.000	11.555.040.000	5,72
20	NCT	79.490	72.500	5.763.025.000	2,85
21	NT2	128.820	21.650	2.788.953.000	1,38
22	PAC	93.730	25.000	2.343.250.000	1,16
23	PME	52.980	54.300	2.876.814.000	1,42
24	PNJ	120.299	86.000	10.345.714.000	5,12
25	POW	343.000	11.450	3.927.350.000	1,94
26	PVS	322.345	17.500	5.641.037.500	2,79
27	PVT	132.100	16.800	2.219.280.000	1,10
28	QNS	177.232	27.000	4.785.264.000	2,37
29	REE	119.340	36.300	4.332.042.000	2,14
30	TCM	107.378	19.200	2.061.657.600	1,02
31	VHC	10	39.650	396.500	0,00
32	VNM	59.290	116.500	6.907.285.000	3,42
33	VSC	169.757	27.250	4.625.878.250	2,29
34	VTP	34.698	116.000	4.024.968.000	1,99

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

B04-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (%)
<b>II</b>	<b>Trái phiếu</b>			<b>23.192.741.610</b>	<b>11,47</b>
1	Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết			11.192.741.610	5,54
	- VIC11814	70.000	101.650,619	7.115.543.330	3,52
	- VHM11801	40.000	101.929,957	4.077.198.280	2,02
2	Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết			12.000.000.000	5,94
	- Trái phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	120.000	100.000,000	12.000.000.000	5,94
<b>III</b>	<b>Các tài sản khác</b>			<b>2.902.803.418</b>	<b>1,44</b>
1	Phải thu về bán chứng khoán			1.174.852.900	0,58
2	Cổ tức, trái tức được nhận			704.951.986	0,35
3	Dự thu lãi tiền gửi			576.943.737	0,29
4	Dự thu lãi từ chứng chỉ tiền gửi			446.054.795	0,22
<b>IV</b>	<b>Tiền</b>			<b>33.463.648.710</b>	<b>16,55</b>
1	Tiền gửi ngân hàng			1.538.354.893	0,76
2	Tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng			16.925.293.817	8,37
3	Chứng chỉ tiền gửi			15.000.000.000	7,42
<b>V</b>	<b>Tổng giá trị danh mục</b>			<b>202.182.718.388</b>	<b>100,00</b>



Bà Trần Thị Hà Linh  
 Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ



Bà Võ Thị Thùy Linh  
 Người lập biểu

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2020



Ông Vũ Quang Đông  
 Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Băng Tâm  
 Kế toán Trưởng



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

B05-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
01	1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế thu nhập doanh nghiệp		11.527.714.207	(14.080.780.262)
02	2. Điều chỉnh cho các khoản tăng giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		10.163.704.786	35.913.935.575
04	Trong đó: Chi phí trích trước		6.600.000	(10.000.000)
05	3. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		21.691.418.993	21.833.155.313
20	Giảm/(tăng) các khoản đầu tư		54.046.528.792	(60.771.449.064)
06	Tăng phải thu bán chứng khoán đầu tư		(1.174.852.900)	-
07	Giảm/(tăng) dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		2.691.803.015	(1.838.520.770)
10	Giảm phải trả cho người bán		-	(1.327.948.940)
11	Giảm phải trả các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ		(16.902.293)	(181.755.096)
13	(Giảm)/tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		(3.068.194)	1.864.755
14	Giảm phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		(201.617.899)	(749.996.101)
15	Giảm phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ		-	(21.150.845)
17	(Giảm)/tăng phải trả Dịch vụ quản lý Quỹ mở		(91.624.685)	8.794.289
19	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		76.941.684.829	(43.047.006.459)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	11	49.284.090.988	102.949.472.528
32	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	11	(142.560.782.715)	(58.116.576.565)
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(93.276.691.727)	44.832.895.963
40	III. (Giảm)/tăng tiền thuần trong năm		(16.335.006.898)	1.785.889.504
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	4	17.873.361.791	16.087.472.287
51	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		17.873.361.791	16.087.472.287
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		16.787.849.401	14.230.812.951
	Trong đó:			
	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba tháng		13.518.034.153	8.225.259.694
	Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		3.269.815.248	6.005.553.257
53	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng chỉ quỹ		1.085.512.390	1.856.659.336

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

B05-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>55</b>	<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>4</b>	<b>1.538.354.893</b>	<b>17.873.361.791</b>
56	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		1.538.354.893	17.873.361.791
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		654.460.402	16.787.849.401
	Trong đó:			
	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba tháng		-	13.518.034.153
	Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		654.460.402	3.269.815.248
58	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán Chứng chỉ quỹ		883.894.491	1.085.512.390
<b>60</b>	<b>VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong năm</b>		<b>(16.335.006.898)</b>	<b>1.785.889.504</b>



Bà Trần Thị Hà Linh  
 Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ




Ông Vũ Quang Đông  
 Tổng Giám đốc



Bà Võ Thị Thùy Linh  
 Người lập biểu



Bà Nguyễn Băng Tâm  
 Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2020



# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B06-QM

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

### 1.1 Thông tin về quỹ

#### Quỹ

Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 44/GCN-UBCK ngày 16 tháng 9 năm 2013 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 07/GCN-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ").

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

#### Công ty quản lý quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 06/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005, và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

#### Ngân hàng giám sát và lưu ký

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam). Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

### 1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

#### Quy mô vốn

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 6.042.661,45 chứng chỉ với tổng giá trị là 60.426.614.500 đồng, chiếm 120,85% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND/chứng chỉ quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 101.814.389.100 đồng, tương đương với 10.181.438,91 đơn vị quỹ.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

### 1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

#### Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu chính của Quỹ là đầu tư trung và dài hạn vào các doanh nghiệp nhằm đạt hiệu quả đầu tư tối ưu từ cổ tức và sự tăng giá gắn liền với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Việc điều chỉnh mục tiêu đầu tư của Quỹ cần phải được Nhà đầu tư biểu quyết thông qua theo quy định tại Điều lệ Quỹ, và nếu được chấp thuận, các điều chỉnh này sẽ được cập nhật vào Bản cáo bạch của Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ thực hiện việc đầu tư của Quỹ bằng các hình thức đầu tư mà pháp luật hiện hành cho phép.

Quỹ sẽ kết hợp cả chiến lược đầu tư tăng trưởng và chiến lược đầu tư giá trị. Quỹ sẽ sử dụng phương pháp tiếp cận từ dưới lên, tức là từ phân tích các chỉ số cơ bản của công ty để lựa chọn cổ phiếu đầu tư và lựa chọn các công ty trong nhiều ngành khác nhau, áp dụng các mô hình kỹ thuật, thống kê để đưa ra các quyết định đầu tư sao cho đem lại lợi nhuận tối đa cho danh mục đầu tư

#### Kỳ tính giá trị tài sản ròng

- ▶ Kỳ định giá hàng tuần: NAV được định giá hàng tuần vào ngày thứ Tư. Trong trường hợp ngày định giá của kỳ định giá hàng tuần rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó. Trong trường hợp ngày làm việc tiếp theo là ngày thứ Ba thì ngày định giá sẽ là ngày thứ Tư của tuần đó.
- ▶ Kỳ định giá hàng tháng: NAV được định giá hàng tháng vào ngày cuối cùng của tháng và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.

#### Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Tần suất giao dịch đơn vị quỹ là định kỳ vào ngày thứ Tư hàng tuần nếu ngày đó là ngày làm việc. Nếu ngày thứ Tư không phải là ngày làm việc thì ngày giao dịch sẽ là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó. Trong trường hợp ngày làm việc tiếp theo là ngày thứ Ba thì ngày giao dịch sẽ là ngày thứ Tư của tuần đó.

#### Hạn chế đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của pháp luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bao gồm ít nhất sáu (6) tổ chức phát hành, đồng thời phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của quỹ tại Ngân hàng Giám sát, tổng giá trị các khoản đầu tư vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại và ngoại tệ; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng không được vượt quá bốn mươi chín phần trăm (49%) của tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- Tổng giá trị các khoản đầu tư vào các loại giấy tờ có giá và chứng khoán phát hành của một tổ chức (bao gồm công cụ thị trường tiền tệ, công cụ chuyển nhượng, chứng khoán) có giá trị từ năm phần trăm (5%) trở lên trên tổng giá trị tài sản của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;



# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

### 1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

#### Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- c) Tổng giá trị của tất cả các chứng khoán, bao gồm tiền gửi tại các ngân hàng thương mại, ngoại tệ; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng; cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch; trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, không bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh; trái phiếu doanh nghiệp được phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành; cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro, được phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm các công ty có quan hệ sở hữu với nhau không được vượt quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- d) Tổng giá trị đầu tư của Quỹ vào tất cả các chứng khoán bao gồm các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (không bao gồm trái phiếu Chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi phát hành bởi một tổ chức không được vượt quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- e) Tổng giá trị đầu tư của Quỹ vào chứng khoán (trừ trái phiếu Chính phủ) của một tổ chức phát hành không được vượt quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị của các chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó;
- f) Tổng giá trị trái phiếu và cổ phiếu chuẩn bị niêm yết hoặc chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam và trái phiếu doanh nghiệp được phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành không được vượt quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- g) Tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ; và
- h) Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.

Quỹ sẽ không thực hiện đầu tư vào:

- a) Đơn vị quỹ của các quỹ đầu tư hoặc cổ phần của các công ty đầu tư chứng khoán được thành lập và hoạt động tại Việt Nam; hoặc
- b) Trực tiếp nắm giữ bất động sản, đá quý, kim loại quý hoặc hàng hóa.

Cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch so với các hạn chế được đưa ra ở trên, ngoại trừ điểm (g) và chỉ vì các lý do sau:

- a) Biến động giá trên thị trường của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- b) Thực hiện các khoản thanh toán phù hợp với pháp luật của Quỹ;
- c) Thực hiện các lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- d) Các hoạt động sáp nhập và hợp nhất của các tổ chức phát hành các chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
- e) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách Quỹ, hợp nhất Quỹ, sáp nhập Quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (6) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ; hoặc
- f) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 2.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ("Thông tư 198") ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ("Thông tư 183") ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở, Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183 và Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư được đo lường theo giá trị hợp lý (*Thuyết minh 3.3*).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính và danh mục đầu tư, kết quả kinh doanh, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Theo Thông tư 198, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập
2. Báo cáo tình hình tài chính
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch đơn vị quỹ
4. Báo cáo danh mục đầu tư
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký Chung.

### 2.3 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Quỹ là đồng Việt Nam ("VND").

### 2.5 *Cam kết tuân thủ*

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.



# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở yêu cầu Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### 3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ chờ phân bổ, tiền gửi phong tỏa, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba (03) tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là mục đích khác.

### 3.3 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, trái phiếu doanh nghiệp niêm yết và chưa niêm yết, chứng chỉ tiền gửi và các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng.

#### *Nguyên tắc phân loại*

Quỹ phân loại chứng khoán niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

#### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư". Phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục "Dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận" trên báo cáo tình hình tài chính.

#### *Ghi nhận tiếp theo*

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc như sau:

- ▶ Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng, chứng chỉ tiền gửi được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
- ▶ Chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết và các tài sản khác được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

*Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ*

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay Định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở, Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 và được Ban Đại diện Quỹ và Ngân hàng Giám sát phê duyệt. Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập theo quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở.

*Nguyên tắc định giá*

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</b>		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá.
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Tiền gốc cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	- Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp khác được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
5	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá thị trường là giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban Đại diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.



# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Trái phiếu</b>		
6.	Trái phiếu niêm yết	<ul style="list-style-type: none"><li>- Giá thị trường là giá yết cuối ngày (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế);</li><li>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Giá yết (giá sạch – clean price) (nếu có) từ nguồn Thomson Reuters cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc</li><li>+ Giá xác định theo phương pháp chiết khấu dòng tiền (discount cash flow); hoặc</li><li>+ Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc</li><li>+ Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc</li><li>+ Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</li></ul></li><li>- Đối với trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, giá sẽ được tính theo phương pháp chiết khấu dòng tiền.</li></ul>
7.	Trái phiếu không niêm yết	<ul style="list-style-type: none"><li>- Giá yết (giá sạch – clean price) (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc</li><li>- Giá trị trung bình dựa trên báo giá của 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan của VCBF tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; hoặc</li><li>- Giá xác định theo phương pháp chiết khấu dòng tiền (discount cash flow); hoặc</li><li>- Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc</li><li>- Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc</li><li>- Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</li></ul>

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

**3. TÓM TẮT CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Nguyên tắc định giá (tiếp theo)*

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Trái phiếu (tiếp theo)</b>		
8	Trái phiếu biến động bất thường	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong điều kiện bình thường, trái phiếu niêm yết được định giá theo mục 6 ở trên.</li> <li>- Trong trường hợp giá trái phiếu có biến động hơn <math>\pm 10,0\%</math> khi so sánh với giá Reuters, sự biến động này được xem là biến động bất thường trong giá trái phiếu, phương pháp định giá được sử dụng theo thứ tự sau:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá sạch "Clean price" từ nguồn Thomson Reuters cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc</li> <li>+ Giá xác định theo phương pháp chiết khấu dòng tiền (discount cash flow); hoặc</li> <li>+ Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc</li> <li>+ Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc</li> <li>+ Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</li> </ul> </li> </ul>
<b>Cổ phiếu</b>		
9.	Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá thị trường là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;</li> <li>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá (bao gồm cả trường hợp do bị đình chỉ giao dịch hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch), sử dụng một trong các mức giá sau:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc</li> <li>+ Giá mua; hoặc</li> <li>+ Giá trị sổ sách; hoặc</li> <li>+ Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</li> </ul> </li> </ul>



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Cổ phiếu (tiếp theo)</b>		
10.	Các tài sản được phép đầu tư, chưa niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp.</li> <li>- Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 3 (ba) tổ chức báo giá, sử dụng một trong các phương pháp sau:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá trung bình từ các báo giá; hoặc</li> <li>+ Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba tháng tính đến ngày định giá; hoặc</li> <li>+ Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc</li> <li>+ Giá mua; hoặc</li> <li>+ Giá trị sổ sách; hoặc</li> <li>+ Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</li> </ul> </li> </ul>
11.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc</li> <li>- Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</li> </ul>
12.	Cổ phần, phần vốn góp khác	Là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc</li> <li>- Giá mua/ giá trị vốn góp; hoặc</li> <li>- Giá trị sổ sách; hoặc</li> <li>- Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.</li> </ul>
13.	Quyền mua cổ phiếu	Giá trị quyền mua = Max {0; (Giá cổ phiếu – Giá phát hành quyền mua) x tỷ lệ chuyển đổi}

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Chứng khoán phái sinh</b>		
14.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá.
15.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên	Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận
<b>Các tài sản khác</b>		
16.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận

#### Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tại ngày giao dịch.

### 3.4 Giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị các tài sản do Quỹ sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả có liên quan (như giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký, giá dịch vụ quản trị Quỹ, giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các khoản phải trả khác) tại ngày trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và được làm tròn xuống đến 2 (hai) số thập phân.



# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.5 Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn

#### 3.5.1 Vốn chủ sở hữu

Các đơn vị quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành phản ánh số vốn nhà đầu tư góp ban đầu và góp bổ sung. Khi Công ty Quản lý Quỹ nhận được kết quả giải tỏa phong tỏa về số tiền thu hợp lệ khoản góp vốn đầu tư và kết quả xác nhận vốn góp nhà đầu tư hợp lệ của đại lý chuyển nhượng (trường hợp phát hành lần đầu); giấy báo có của Ngân hàng Giám sát kèm bảng phân bổ tiền thu bán đơn vị quỹ về số tiền thu hợp lệ của các nhà đầu tư (trường hợp phát hành các lần tiếp theo), Công ty Quản lý Quỹ sử dụng để làm căn cứ ghi nhận vốn góp phát hành.

Vốn góp mua lại phản ánh việc mua lại đơn vị quỹ của nhà đầu tư. Căn cứ vào xác nhận của đại lý chuyển nhượng kèm bảng tổng hợp các lệnh mua lại đơn vị quỹ của nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ ghi nhận vốn góp mua lại.

Chênh lệch giữa vốn góp phát hành và vốn góp mua lại chính là vốn góp của nhà đầu tư.

Thặng dư vốn bao gồm: thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại.

- ▶ Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành đơn vị quỹ và mệnh giá.
- ▶ Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá mua lại đơn vị quỹ và mệnh giá.

#### 3.5.2 Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi và lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Cuối niên độ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong năm và ghi nhận vào "*Lợi nhuận chưa phân phối*".

#### 3.5.3 Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho nhà đầu tư

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong năm cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản "*Lợi nhuận chưa phân phối*" vào cuối năm.

Quỹ mở ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư theo Bản cáo bạch, Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được ủy quyền (ở kỳ gần nhất), Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ mở và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

## Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ bán các khoản đầu tư, cổ tức, tiền lãi từ các khoản đầu tư và các khoản phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập trong năm. Trong đó, dự phòng liên quan đến phải thu bán chứng khoán được ghi nhận làm tăng chi phí trong năm, dự phòng liên quan đến cổ tức, trái tức và lãi tiền gửi được ghi nhận làm giảm thu nhập trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

#### 3.7 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động mua lại đơn vị quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

#### 3.8 Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau:

##### 3.8.1 Giá dịch vụ quản lý danh mục đầu tư

Giá dịch vụ quản lý danh mục đầu tư bao gồm giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ quản trị quỹ và giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng. Theo quy định của Thông tư số 128/2018/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2018 thì giá dịch vụ quản lý danh mục đầu tư mà Quỹ phải trả cho Công ty quản lý quỹ tối đa là 2% giá trị tài sản ròng ("NAV") của quỹ.

##### (i) Giá dịch vụ quản lý quỹ

Giá dịch vụ quản lý quỹ là 1,5% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ. Mức giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính và trích lập cho các kỳ định giá trong tháng.



# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

## Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.8 Các khoản chi phí (tiếp theo)

##### 3.8.1 Giá dịch vụ quản lý danh mục đầu tư (tiếp theo)

###### (ii) Giá dịch vụ quản trị Quỹ

Giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá (mức tối thiểu là 18.000.000 đồng mỗi tháng), được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ hàng tháng để thực hiện dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ. Mức giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng. Giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

###### (iii) Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 10.000.000 đồng mỗi tháng, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ hàng tháng để thực hiện dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho Quỹ. Giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

##### 3.8.2 Giá dịch vụ giám sát

Giá dịch vụ giám sát là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá (mức tối thiểu là 18.000.000 đồng mỗi tháng), được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho Ngân hàng Giám sát hàng tháng để thực hiện các dịch vụ giám sát cho Quỹ. Mức giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng. Giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

##### 3.8.3 Giá dịch vụ lưu ký

Giá dịch vụ lưu ký là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày trước ngày định giá (mức tối thiểu là 18.000.000 đồng mỗi tháng), được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được trả cho Ngân hàng Giám sát hàng tháng để thực hiện các dịch vụ lưu ký cho Quỹ. Mức giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng. Giá trên không bao gồm các giá dịch vụ lưu ký phải thanh toán cho Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, giá dịch vụ giao dịch chứng khoán, v.v.

##### 3.8.4 Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán

Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giao dịch chứng khoán là 220.000 VND/giao dịch.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

## Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.9 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

##### *Cổ tức*

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quỹ với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

Nhận cổ tức bằng cổ phiếu, Quỹ chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### *Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch chứng khoán đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

#### 3.10 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

##### *Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư*

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 100/2004/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2004, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính, Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư.

Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các nhà đầu tư là tổ chức, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% số cổ tức được chi trả (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% số cổ tức được chi trả.



# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.10 Thuế (tiếp theo)

#### *Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ*

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015, Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 và các thông tư sửa đổi bổ sung do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với giao dịch mua lại đơn vị quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch mua lại này.

### 3.11 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

### 3.12 Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính này.

### 3.13 Công cụ tài chính

#### *Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày*

#### Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Quỹ quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Quỹ bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư, chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

### 3.13 Công cụ tài chính (tiếp theo)

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Quỹ xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Quỹ bao gồm các khoản phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở và phải trả, phải nộp khác.

#### *Công cụ tài chính – Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá gốc.

#### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Quỹ có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

### 3.14 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

## 4. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
Tiền gửi tại Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho hoạt động của Quỹ	654.460.402	3.269.815.248
Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng chỉ quỹ	883.894.491	1.085.512.390
Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng	-	13.518.034.153
	<u><b>1.538.354.893</b></u>	<u><b>17.873.361.791</b></u>



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

	Chênh lệch do đánh giá lại				Giá trị đánh giá lại [6]=[1]+[3]+[4]
	Giá mua [1]	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý [2]	Chênh lệch tăng [3]	Chênh lệch giảm [4]	
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>					
Cổ phiếu niêm yết	139.371.576.936	142.623.524.650	22.085.169.718	(18.833.222.004)	142.623.524.650
Tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng	16.925.293.817	16.925.293.817	-	-	16.925.293.817
Chứng chỉ tiền gửi	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-	15.000.000.000
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết (*)	12.000.000.000	12.000.000.000	-	-	12.000.000.000
Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết (**)	11.149.879.957	11.192.741.610	69.453.802	(26.592.149)	11.192.741.610
<b>Tổng cộng</b>	<b>194.446.750.710</b>	<b>197.741.560.077</b>	<b>22.154.623.520</b>	<b>(18.859.814.153)</b>	<b>197.741.560.077</b>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>					
Cổ phiếu niêm yết	186.068.973.798	199.427.508.500	26.867.340.158	(13.508.805.456)	199.427.508.500
Tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng	36.663.511.226	36.663.511.226	-	-	36.663.511.226
Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết	19.060.794.478	19.119.165.960	68.023.481	(9.651.999)	19.119.165.960
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	6.700.000.000	6.735.007.969	35.007.969	-	6.735.007.969
<b>Tổng cộng</b>	<b>248.493.279.502</b>	<b>261.945.193.655</b>	<b>26.970.371.608</b>	<b>(13.518.457.455)</b>	<b>261.945.193.655</b>

**Ảnh hưởng từ chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư vào báo cáo thu nhập**  
**(10.157.104.786)**

(\*) Trái phiếu do Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô phát hành ngày 11 tháng 6 năm 2019, kỳ hạn 15 tháng, mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu, lãi trả định kỳ 6 tháng/lần.

(\*\*) Khoản mục trái phiếu doanh nghiệp niêm yết bao gồm các trái phiếu do Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần phát hành ngày 25 tháng 12 năm 2018, kỳ hạn 2 năm, mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu, lãi trả định kỳ 6 tháng/lần; trái phiếu do Công ty Cổ phần Vinhomes phát hành ngày 2 tháng 8 năm 2018, kỳ hạn 3 năm, mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu, lãi trả định kỳ 6 tháng/lần.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

**6. PHẢI THU VÀ DỰ THU CỔ TỨC, TIỀN LÃI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

	<u>Số cuối năm VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
Dự thu tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	576.943.737	3.284.235.098
Dự thu tiền lãi từ chứng chỉ tiền gửi	446.054.795	-
Dự thu cổ tức	437.615.000	509.424.600
Dự thu tiền lãi trái phiếu doanh nghiệp	267.336.986	626.093.835
	<b><u>1.727.950.518</u></b>	<b><u>4.419.753.533</u></b>

**7. PHẢI TRẢ CHO CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ**

	<u>Số cuối năm VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
Phải trả Công ty Quản lý Quỹ	55.001.509	63.452.656
Phải trả cho các Đại lý phân phối	55.001.510	63.452.656
	<b><u>110.003.019</u></b>	<b><u>126.905.312</u></b>

**8. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>Số cuối năm VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
Phải trả chi phí kiểm toán	<b><u>72.600.000</u></b>	<b><u>66.000.000</u></b>

**9. PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA CHỨNG CHỈ QUỸ**

	<u>Số cuối năm VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
Phải trả cho nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ đang chờ hoàn thành thủ tục xác nhận sở hữu Chứng chỉ quỹ	<b><u>759.400.000</u></b>	<b><u>961.017.899</u></b>

**10. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỜ**

	<u>Số cuối năm VND</u>	<u>Số đầu năm VND</u>
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	282.297.515	366.222.200
Phải trả dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	11.000.000	22.000.000
Phải trả dịch vụ giám sát	19.800.000	19.800.000
Phải trả dịch vụ quản trị Quỹ	19.800.000	19.800.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	18.000.000	18.000.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	8.580.000	5.280.000
	<b><u>359.477.515</u></b>	<b><u>451.102.200</u></b>



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

**11. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	<i>Số đầu năm VND</i>	<i>Phát sinh trong năm VND</i>	<i>Số cuối năm VND</i>
<b>Vốn góp phát hành</b>			
Số lượng ( <i>đơn vị quỹ</i> )	22.421.799,54	2.498.948,09	24.920.747,63
Giá trị ghi theo mệnh giá	224.217.995.400	24.989.480.900	249.207.476.300
Thặng dư vốn	107.240.633.844	24.294.610.088	131.535.243.932
Tổng giá trị phát hành đơn vị quỹ	331.458.629.244	49.284.090.988	380.742.720.232
<b>Vốn góp mua lại</b>			
Số lượng ( <i>đơn vị quỹ</i> )	(7.519.066,62)	(7.220.242,10)	(14.739.308,72)
Giá trị ghi theo mệnh giá	(75.190.666.200)	(72.202.421.000)	(147.393.087.200)
Thặng dư vốn	(49.154.670.316)	(70.358.361.715)	(119.513.032.031)
Tổng giá trị mua lại đơn vị quỹ	(124.345.336.516)	(142.560.782.715)	(266.906.119.231)
<b>Số lượng đơn vị quỹ hiện hành</b>	<b>14.902.732,92</b>	<b>(4.721.294,01)</b>	<b>10.181.438,91</b>
<b>Giá trị vốn góp hiện hành</b>	<b>207.113.292.728</b>	<b>(93.276.691.727)</b>	<b>113.836.601.001</b>
<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>75.390.740.474</b>	<b>11.527.714.207</b>	<b>86.918.454.681</b>
<b>Giá trị tài sản ròng của Quỹ</b>	<b>282.504.033.202</b>		<b>200.755.055.682</b>
<b>Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ</b>	<b>18.956,52</b>		<b>19.717,74</b>

**12. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI**

	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Lợi nhuận đã thực hiện	83.623.645.314	61.938.826.321
Lợi nhuận chưa thực hiện	3.294.809.367	13.451.914.153
	<b>86.918.454.681</b>	<b>75.390.740.474</b>

**13. CỔ TỨC ĐƯỢC CHIA**

	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Cổ tức phát sinh trong năm đã nhận	5.536.351.200	9.578.754.940
Cổ tức dự thu	437.615.000	509.424.600
	<b>5.973.966.200</b>	<b>10.088.179.540</b>

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

14. TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Tiền lãi đã nhận trong năm</b>	<b>4.470.607.209</b>	<b>1.615.652.327</b>
Tiền lãi từ trái phiếu doanh nghiệp	2.299.065.094	1.365.711.644
Tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	2.113.148.617	230.553.674
Tiền lãi từ tiền gửi không kỳ hạn	58.393.498	19.387.009
<b>Tiền lãi dự thu đến cuối năm</b>	<b>1.290.335.518</b>	<b>3.910.328.933</b>
Tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	576.943.737	3.284.235.098
Tiền lãi từ chứng chỉ tiền gửi	446.054.795	-
Tiền lãi từ trái phiếu doanh nghiệp	267.336.986	626.093.835
	<b>5.760.942.727</b>	<b>5.525.981.260</b>

15. LÃI BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Năm 2019		
	Tổng giá trị bán trong năm VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán trong năm VND
Cổ phiếu	82.814.981.700	67.985.087.362	14.829.894.338
Trái phiếu doanh nghiệp	21.980.953.998	22.004.905.556	(23.951.558)
	<b>104.795.935.698</b>	<b>89.989.992.918</b>	<b>14.805.942.780</b>
	Năm 2018		
	Tổng giá trị bán trong năm VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán trong năm VND
Cổ phiếu	48.338.179.150	36.775.363.324	11.562.815.826
Trái phiếu doanh nghiệp	3.300.000.000	3.300.000.000	-
	<b>51.638.179.150</b>	<b>40.075.363.324</b>	<b>11.562.815.826</b>

16. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư	32.513.090	132.365.826
Chi phí giao dịch bán các khoản đầu tư	119.661.916	70.119.892
Chi phí giao dịch khác	1.127.038	673.040
	<b>153.302.044</b>	<b>203.158.758</b>



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

17. PHÍ DỊCH VỤ LƯU KÝ TÀI SẢN QUỸ MỞ

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Giá dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	216.000.000	216.000.000
Giá dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	35.640.000	58.410.000
Giá dịch vụ lưu ký cho chứng khoán cơ sở trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam	25.364.860	29.452.135
	<b>277.004.860</b>	<b>303.862.135</b>

18. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	120.000.000	120.000.000
Phí thường niên trả cho UBCKNN	10.000.000	10.000.000
Phí Ngân hàng	4.019.581	7.190.744
Chi phí in ấn Bản cáo bạch	-	34.100.000
Chi phí khác	3.929.310	-
	<b>137.948.891</b>	<b>171.290.744</b>

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

19. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, giao dịch của Quỹ thực hiện chủ yếu thông qua các công ty chứng khoán sau:

STT	Tên (mã) các Công ty chứng khoán có giá trị giao dịch vượt qua 5% tổng giá trị giao dịch của Quỹ trong năm	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng Công ty chứng khoán		Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua công ty chứng khoán trong năm	Phí giao dịch bình quân	Phí giao dịch bình quân trên thị trường
			Giá trị giao dịch trong năm của Quỹ VND	Tổng giá trị giao dịch trong năm của Quỹ VND			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)/(5)(%)	(7)(%)	(8)(%)
1	Công ty Cổ Phần Chứng khoán Rồng Việt	Không liên quan	25.914.432.000	129.891.485.414	19,95%	0,14%	0,15%
2	Công ty Cổ Phần Chứng khoán Hồ Chí Minh	Không liên quan	21.877.314.000	129.891.485.414	16,84%	0,15%	0,15%
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	Không liên quan	28.447.901.500	129.891.485.414	21,90%	0,12%	0,15%
4	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Có liên quan	16.605.016.500	129.891.485.414	12,78%	0,15%	0,15%
5	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	Không liên quan	5.624.210.000	129.891.485.414	4,33%	0,15%	0,15%
6	Công ty CP chứng Chứng khoán MB	Không liên quan	4.802.000.000	129.891.485.414	3,70%	0,12%	0,15%
7	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Không liên quan	3.605.839.000	129.891.485.414	2,78%	0,15%	0,15%
8	Công Ty TNHH MTV Chứng Khoán Maybank Kim Eng	Không liên quan	3.013.720.000	129.891.485.414	2,32%	0,13%	0,15%
9	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	Không liên quan	1.020.280.000	129.891.485.414	0,79%	0,15%	0,15%
10	Giao dịch trên thị trường sơ cấp	Không liên quan	18.980.772.414	129.891.485.414	14,61%		
<b>Tổng</b>			<b>129.891.485.414</b>		<b>100,00%</b>		

Các giao dịch thực hiện quyền và giao dịch lô lẻ đã được loại trừ khi xác định tổng giá trị giao dịch trong năm của Quỹ.



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

**20. THU NHẬP KHÁC**

Thu nhập khác thể hiện khoản phí thu từ việc mua lại đơn vị quỹ của các nhà đầu tư.

**21. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG**

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019:

Kỳ tính NAV	NAV		Số lượng CCQ	NAV/1ĐVQ tại ngày tính NAV		Tăng/(giảm) NAV/1ĐVQ VND
	NAV VND	VND		NAV/1ĐVQ VND	VND	
Kỳ cuối/tháng 12 năm 2018	282.504.033.202		14.902.732,92	18.956,52	-	
Kỳ 1/Tháng 1	282.505.618.514		14.902.732,92	18.956,63	0,11	
Kỳ 2/Tháng 1	279.932.795.497		14.926.374,79	18.754,23	(202,40)	
Kỳ 3/Tháng 1	284.381.835.713		14.936.727,14	19.039,09	284,86	
Kỳ 4/Tháng 1	284.706.795.584		14.962.184,88	19.028,42	(10,67)	
Kỳ 5/Tháng 1	283.085.099.910		14.778.370,04	19.155,36	126,94	
Kỳ cuối/Tháng 1	283.075.594.175		14.727.461,19	19.220,93	65,57	
Kỳ 1/Tháng 2	283.120.202.657		14.727.461,19	19.223,96	3,03	
Kỳ 2/Tháng 2	283.124.085.006		14.727.461,19	19.224,22	0,26	
Kỳ 3/Tháng 2	287.742.942.659		14.766.963,35	19.485,58	261,36	
Kỳ 4/Tháng 2	270.944.670.211		13.774.170,81	19.670,48	184,90	
Kỳ 5/Tháng 2	292.147.201.878		14.697.114,59	19.877,86	207,38	
Kỳ cuối/Tháng 2	289.969.857.714		14.703.682,88	19.720,89	(156,97)	
Kỳ 1/Tháng 3	294.109.368.864		14.703.682,88	20.002,42	281,53	
Kỳ 2/Tháng 3	296.077.441.508		14.689.336,86	20.155,94	153,52	
Kỳ 3/Tháng 3	293.278.018.714		14.584.414,86	20.109,00	(46,94)	
Kỳ 4/Tháng 3	288.424.490.094		14.577.723,64	19.785,29	(323,71)	
Kỳ cuối/Tháng 3	288.025.190.094		14.495.006,67	19.870,64	85,35	
Kỳ 1/Tháng 4	287.825.769.222		14.495.006,67	19.856,89	(13,75)	
Kỳ 2/Tháng 4	286.962.714.299		14.428.600,56	19.888,46	31,57	
Kỳ 3/Tháng 4	280.769.134.249		14.149.149,92	19.843,53	(44,93)	
Kỳ 4/Tháng 4	276.942.309.622		14.159.410,34	19.558,88	(284,65)	
Kỳ cuối/Tháng 4	277.161.362.758		13.996.506,80	19.802,18	243,30	

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RỘNG (tiếp theo)**

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng CCQ	NAV/ĐVQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/ĐVQ VND
Kỳ 1/Tháng 5	277.162.972.616	13.996.506,80	19.802,29	0,11
Kỳ 2/Tháng 5	272.772.090.311	13.907.622,34	19.613,13	(189,16)
Kỳ 3/Tháng 5	274.312.789.128	13.865.823,11	19.783,37	170,24
Kỳ 4/Tháng 5	275.165.003.877	13.838.280,99	19.884,33	100,96
Kỳ 5/Tháng 5	271.772.491.974	13.661.724,67	19.892,98	8,65
Kỳ cuối/Tháng 5	261.379.751.697	13.343.153,15	19.589,05	(303,93)
Kỳ 1/Tháng 6	258.251.380.654	13.343.153,15	19.354,59	(234,46)
Kỳ 2/Tháng 6	260.208.094.231	13.284.474,93	19.587,38	232,79
Kỳ 3/Tháng 6	255.554.039.409	13.265.062,37	19.265,19	(322,19)
Kỳ 4/Tháng 6	254.881.966.973	13.129.752,67	19.412,54	147,35
Kỳ cuối/Tháng 6	254.752.182.768	13.095.024,86	19.454,11	41,57
Kỳ 1/Tháng 7	255.986.175.861	13.095.024,86	19.548,35	94,24
Kỳ 2/Tháng 7	257.727.626.715	13.109.172,13	19.660,09	111,74
Kỳ 3/Tháng 7	259.575.590.429	13.113.043,24	19.795,22	135,13
Kỳ 4/Tháng 7	262.350.865.914	13.136.309,57	19.971,42	176,20
Kỳ 5/Tháng 7	254.798.115.680	12.989.979,71	19.614,97	(356,45)
Kỳ cuối/Tháng 7	253.636.845.691	12.835.717,09	19.760,23	145,26
Kỳ 1/Tháng 8	250.169.551.479	12.835.717,09	19.490,11	(270,12)
Kỳ 2/Tháng 8	254.792.729.220	12.811.843,69	19.887,28	397,17
Kỳ 3/Tháng 8	258.193.235.381	12.826.834,08	20.129,14	241,86
Kỳ 4/Tháng 8	250.991.615.027	12.591.322,39	19.933,69	(195,45)
Kỳ cuối/Tháng 8	249.853.899.538	12.494.333,73	19.997,37	63,68
Kỳ 1/Tháng 9	249.083.031.403	12.494.333,73	19.935,67	(61,70)
Kỳ 2/Tháng 9	243.168.653.897	12.349.840,93	19.690,02	(245,65)
Kỳ 3/Tháng 9	248.779.860.971	12.351.954,87	20.140,93	450,91
Kỳ 4/Tháng 9	248.220.487.162	12.289.587,40	20.197,62	56,69



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

B06-QM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)**

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng CCQ	NAV/1ĐVQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/1ĐVQ VND
Kỳ cuối/Tháng 9	246.419.328.559	12.136.937,46	20.303,25	105,63
Kỳ 1/Tháng 10	246.776.385.011	12.136.937,46	20.332,67	29,42
Kỳ 2/Tháng 10	243.836.105.134	12.096.234,06	20.158,01	(174,66)
Kỳ 3/Tháng 10	243.446.934.437	12.015.264,41	20.261,47	103,46
Kỳ 4/Tháng 10	242.438.455.767	12.039.846,54	20.136,34	(125,13)
Kỳ 5/Tháng 10	243.437.905.922	11.998.281,84	20.289,39	153,05
Kỳ cuối/Tháng 10	242.245.765.341	11.966.367,18	20.243,88	(45,51)
Kỳ 1/Tháng 11	244.385.381.550	11.966.367,18	20.422,68	178,80
Kỳ 2/Tháng 11	243.714.260.488	11.922.274,90	20.441,92	19,24
Kỳ 3/Tháng 11	239.359.345.715	11.805.581,10	20.275,10	(166,82)
Kỳ 4/Tháng 11	237.893.329.463	11.892.022,93	20.004,44	(270,66)
Kỳ cuối/Tháng 11	229.187.457.860	11.574.917,54	19.800,35	(204,09)
Kỳ 1/Tháng 12	226.837.999.276	11.574.917,54	19.597,37	(202,98)
Kỳ 2/Tháng 12	227.967.802.084	11.545.058,92	19.745,91	148,54
Kỳ 3/Tháng 12	227.984.457.680	11.577.486,76	19.692,05	(53,86)
Kỳ 4/Tháng 12	227.075.605.764	11.567.014,57	19.631,30	(60,75)
Kỳ cuối/Tháng 12	200.755.055.682	10.181.438,91	19.717,74	86,44

Giá trị tài sản ròng bình quân năm 260.797.559.636

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong năm mức cao nhất 450,91

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong năm mức thấp nhất 0,11

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 22. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành

Chi tiết theo thời gian có thể mua lại đơn vị quỹ:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Đến một năm	<b>10.181.438,91</b>	<b>14.902.732,92</b>

## 23. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ

	Năm nay	Năm trước
Tỷ lệ chi phí hoạt động (%)	2,03%	2,03%
Tốc độ vòng quay danh mục (%)	27,79%	28,68 %

### 23.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí hoạt động là tỷ lệ đánh giá chi phí hoạt động của Quỹ tính cho một đơn vị giá trị tài sản ròng.

Tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} * 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

Những chi phí không được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ khi tính chỉ tiêu tỷ lệ chi phí hoạt động bao gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái (bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp (thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả thuế Nhà thầu;
- Chi phí mua, chi phí bán đơn vị quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc mua, bán đơn vị quỹ; và
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho nhà đầu tư.

### 23.2 Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ trong một (1) năm.

Tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán trong kỳ})/2 * 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$



# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 24. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Quỹ. Quỹ cũng đã được Công ty Quản lý Quỹ xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

### 24.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư chứng khoán.

#### (i) Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng đầu tư của Quỹ cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào trái phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết của Quỹ là 153.816.266.260 đồng. Nếu giá trị thị trường của các cổ phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ giảm khoảng 15.381.626.626 đồng, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá trị thị trường của các cổ phiếu này tăng 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ tăng khoảng 15.381.626.626 đồng.

#### (ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng của Quỹ. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty Quản lý Quỹ tin rằng rủi ro lãi suất không có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Quỹ do Quỹ nắm giữ chủ yếu các chứng khoán nợ của các tổ chức tài chính có lãi suất cố định.

#### (iii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quỹ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính là VND. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quỹ là không có.

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 24. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 24.2 *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo cam kết, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ tài sản tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Quỹ chủ yếu duy trì số dư tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng và tổ chức tín dụng có uy tín ở Việt Nam. Rủi ro đối với số dư tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng và các tổ chức tín dụng được quản lý bởi bộ phận quản lý đầu tư của Quỹ theo chính sách của Quỹ. Quỹ nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi là rất thấp.

Chính sách của Quỹ là đầu tư vào các công cụ tài chính của các đối tác có uy tín.

Bộ phận quản lý đầu tư theo dõi chặt chẽ tình hình tín dụng của các đối tác của Quỹ (ví dụ như môi giới, lưu ký, ngân hàng,...) bằng cách xem xét tình hình tài chính, khả năng trả nợ của đối tác, báo cáo tài chính và thông tin đại chúng.

### 24.3 *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Quỹ đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính khác, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quỹ giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

25. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị số và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ tại thời điểm cuối năm:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và tương đương tiền	1.538.354.893	1.538.354.893	4.355.327.638	4.355.327.638
- Tiền gửi ngân hàng	-	-	13.518.034.153	13.518.034.153
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng				
Các khoản đầu tư	142.623.524.650	142.623.524.650	199.427.508.500	199.427.508.500
- Cổ phiếu niêm yết	23.192.741.610	23.192.741.610	25.854.173.929	25.854.173.929
- Trái phiếu doanh nghiệp	16.925.293.817	16.925.293.817	36.663.511.226	36.663.511.226
- Tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-
- Chứng chỉ tiền gửi	2.902.803.418	2.902.803.418	4.419.753.533	4.419.753.533
Các khoản phải thu				
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>202.182.718.388</b>	<b>202.182.718.388</b>	<b>284.238.308.979</b>	<b>284.238.308.979</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	110.003.019	110.003.019	126.905.312	126.905.312
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	759.400.000	759.400.000	961.017.899	961.017.899
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	124.494.491	124.494.491	124.494.491	124.494.491
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	359.477.515	359.477.515	451.102.200	451.102.200
Chi phí phải trả	72.600.000	72.600.000	66.000.000	66.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.425.975.025</b>	<b>1.425.975.025</b>	<b>1.729.519.902</b>	<b>1.729.519.902</b>

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 25. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ và phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu và trái phiếu doanh nghiệp được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh 3.3*.
- Giá trị hợp lý của chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh 3.3*.

## 26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC

### 26.1 *Nghiệp vụ với các bên liên quan*

#### a) *Công ty Quản lý Quỹ*

Các giao dịch trọng yếu trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Giá dịch vụ quản lý Quỹ	<b>3.913.165.480</b>	<b>4.250.899.101</b>

Số dư tại thời điểm cuối năm như sau:

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	<b>282.297.515</b>	<b>366.222.200</b>

#### b) *Thù lao Ban Đại diện Quỹ*

Ngoài tiền thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng. Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ được hạch toán vào chi phí của Quỹ.

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	<b>120.000.000</b>	<b>120.000.000</b>



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

**26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)**

**26.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)**

c) Số lượng đơn vị quỹ mà bên liên quan nắm giữ

Chi tiết số lượng đơn vị quỹ được nắm giữ bởi bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Số lượng đơn vị quỹ nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Số lượng đơn vị quỹ nắm giữ	Tỷ lệ (%)
Franklin Templeton Capital Holdings Private Limited	Chủ sở hữu chiếm 49% vốn điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ	2.500.000,00	24,55%	2.500.000,00	16,78%
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank	Công ty Quản lý Quỹ	1.409.027,88	13,84%	1.709.027,88	11,47%
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Công ty con của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chủ sở hữu chiếm 51% vốn điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ	860.930,47	8,46%	2.370.330,35	15,91%
Bên liên quan khác		107.425,86	1,05%	94.350,47	0,62%
<b>Tổng cộng</b>		<b>4.877.384,21</b>	<b>47,90%</b>	<b>6.673.708,70</b>	<b>44,78%</b>

# Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

### 26.2 Các hợp đồng then chốt khác

#### Ngân hàng Giám sát

Theo hợp đồng giám sát và lưu ký ký với Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam ("Ngân hàng Giám sát"), Quý có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giám sát là 0,04% trên giá trị tài sản ròng của Quý/năm (tối thiểu là 18.000.000 đồng mỗi tháng), chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và giá dịch vụ lưu ký là 0,04% trên giá trị tài sản ròng của Quý/năm (tối thiểu là 18.000.000 đồng mỗi tháng).

Ngân hàng Giám sát cũng đồng thời là tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Quý có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,04% trên giá trị tài sản ròng của Quý/năm (tối thiểu là 18.000.000 đồng mỗi tháng), chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Ngoài ra, Quý có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giao dịch chứng khoán là 220.000 VND/giao dịch.

Chi tiết giá dịch vụ và thu nhập phát sinh trong năm như sau:

	<i>Năm nay</i> <u>VND</u>	<i>Năm trước</i> <u>VND</u>
Giá dịch vụ giám sát	237.600.000	237.600.000
Giá dịch vụ quản trị Quỹ	237.600.000	237.600.000
Giá dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	216.000.000	216.000.000
Giá dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	35.640.000	58.410.000
Thu nhập lãi tiền gửi	58.393.498	19.387.009
Phí ngân hàng	3.847.718	4.051.602

Số dư tại thời điểm cuối năm như sau:

	<i>Số cuối năm</i> <u>VND</u>	<i>Số đầu năm</i> <u>VND</u>
Tiền gửi thanh toán	1.538.354.893	4.355.327.638
Phải trả dịch vụ giám sát	19.800.000	19.800.000
Phải trả dịch vụ quản trị Quỹ	19.800.000	19.800.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	18.000.000	18.000.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	8.580.000	5.280.000



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM



**27. TRÌNH BÀY LẠI THÔNG TIN SO SÁNH**

Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được phân loại lại nhằm phản ánh đúng bản chất nghiệp vụ. Chi tiết trình bày lại báo cáo thu nhập như sau:

	Năm trước (Số liệu đã trình bày)	Phân loại lại	Năm trước (Phân loại lại)
<b>II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ</b>	<b>202.963.078</b>	<b>673.040</b>	<b>203.636.118</b>
2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	202.963.078	195.680	203.158.758
2.2 Chi phí đầu tư khác	-	477.360	477.360
<b>III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ</b>	<b>5.546.370.859</b>	<b>(673.040)</b>	<b>5.545.697.819</b>
3.1 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	304.535.175	(673.040)	303.862.135

Trong năm, Quỹ đã thực hiện phân loại lại các chi phí thanh toán bù trừ từ khoản mục "Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở" sang khoản mục "Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư" và "Chi phí đầu tư khác" số tiền 673.040 đồng cho năm 2018 nhằm phản ánh đúng bản chất nghiệp vụ.

**28. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Ngoài các thông tin đã trình bày trong báo cáo tài chính, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính.

Bà Trần Thị Hà Linh  
 Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ



Ông Vũ Quang Đông  
 Tổng Giám đốc

Bà Võ Thị Thùy Linh  
 Người lập biểu

Bà Nguyễn Băng Tâm  
 Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2020